

148. KINH SÁU SÁU (*Chachakka Sutta*)¹

420. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sáu nội xứ cần phải được biết. Sáu ngoại xứ cần phải được biết. Sáu thức thân cần phải được biết. Sáu xúc thân cần phải được biết. Sáu thọ thân cần phải được biết. Sáu ái thân cần phải được biết.

421. Khi được nói đến: “Sáu nội xứ cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: “Sáu nội xứ cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến: “Sáu ngoại xứ cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: “Sáu ngoại xứ cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến: “Sáu thức thân cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và

¹ Xem *M. I.* 108, 256; *S. II.* 73; *IV.* 32; *MNid.* 254; *Netti.* 5; *Kvu.* 330. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thuyết xứ kinh* 說處經 (*T.01.* 0026.86. 0562a19). Tham chiếu: *Tap. 雜* (*T.02.* 0099.304. 0086c23); *Tap. 雜* (*T.02.* 0099.323-27. 0091c23-0092a13); *Tap. 雜* (*T.02.* 0099.330. 0092a28).

do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến: “Sáu thức thân cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến: “Sáu xúc thân cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc.² Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Khi được nói đến: “Sáu xúc thân cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến: “Sáu thọ thân cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến: “Sáu thọ thân cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến: “Sáu ái thân cần phải được biết”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: “Sáu ái thân cần phải được biết”, chính do duyên này, được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

422. Nếu ai nói rằng: “Mắt là tự ngã”, như vậy là không hợp lý.³ Sự sanh và sự diệt⁴ của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt⁵ ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Mắt là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã. Nếu ai nói rằng: “Các sắc là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Các sắc

² M. I. 111.

³ *Na uppajjati* được giải thích là *na yujjati*, như MA. V. 100.

⁴ *Veti* được giải thích là *vigacchati nirujjhati*, như MA. V. 100.

⁵ Về tham ái, sân và vô minh. Xem M. I. 303-04.

là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã. Nếu ai nói rằng: “Nhãn thức là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Nhãn thức là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Nhãn xúc là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Nhãn xúc là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Thọ là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Thọ là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Ái là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Ái là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

423. Nếu có ai nói rằng: “Tai là tự ngã”...

Nếu có ai nói rằng: “Mũi là tự ngã”...

Nếu có ai nói rằng: “Lưỡi là tự ngã”...

Nếu có ai nói rằng: “Thân là tự ngã”...

Nếu có ai nói rằng: “Ý là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Ý là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Các pháp là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Các pháp là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Ý thức là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu ai nói rằng: “Ý thức là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Ý xúc là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu có ai nói rằng: “Ý xúc là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã,

các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Thọ là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy nên phải đưa đến kết luận: “Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi.” Do vậy, nếu có ai nói rằng: “Thọ là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: “Ái là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh... Do vậy, nếu có ai nói rằng: “Ái là tự ngã”, như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

424. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.” Ai quán các sắc là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.” Ai quán nhãn thức: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán nhãn xúc: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán thọ: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán ái: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán tai: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán mũi: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán lưỡi: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán thân: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán ý: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán các pháp: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán ý thức: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán ý xúc: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán thọ: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.” Ai quán ái: “Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi.”

Nhưng này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: “Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán sắc: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán nhãn thức: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán nhãn xúc: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán thọ: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán ái: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán tai: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán mũi: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán lưỡi: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán thân: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán ý: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán các pháp: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán ý thức: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán ý xúc: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán thọ: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.” Ai quán ái: “Cái này không phải là của tôi... không phải là tự ngã của tôi.”

425. Nay các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn

thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Nay các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Nay các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

426. Nay các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Nay các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiết thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức...

Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba [pháp này] là xúc. Do duyên cảm xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

427. Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc... yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Do yếm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: “Ta đã được giải thoát.” Và vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.”

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy⁶ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

⁶ MA. V. 101 cho rằng có 60 vị Tỷ-kheo chứng quả A-la-hán khi đức Phật giảng bài kinh này đầu tiên. Ngoài ra, trong mỗi thời giảng bài kinh này của Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna hay 80 vị Trưởng lão khác cũng có một con số tương tự các vị chứng quả A-la-hán. Về sau, Trưởng lão Maliyadeva (xem *Mhvs.* 262) đã giảng bài kinh này tại 60 trú xứ khác nhau ở Tích Lan và mỗi lần cũng có 60 vị Tỷ-kheo chứng quả A-la-hán. Một lần, sau khi Trưởng lão Tipitaka Cūlanāga giảng bài kinh này đã có 1000 vị Tỷ-kheo chứng quả như vậy.